

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2022
V/v: Ly hôn giữa Chị Trần Thị H và anh
Phạm Thanh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Láng;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX - ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981; Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2022, bản tự khai đề ngày 30 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh B kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03 tháng 01 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh B ham mê cờ bạc, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng vì thế mà không thuận hòa. Chị đã cố gắng nín nhịn, bỏ qua cho anh B nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Không thể chịu đựng được nữa nên từ ngày 21 tháng 6 năm 2022, Chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh B có tìm gọi chị quay về nhưng chị xác định tính tình anh B không thể thay đổi được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Phạm Kim A, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2012 và Phạm Thị Cát T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2014. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị có công việc ổn định, thu nhập khoảng 09 triệu đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện để nuôi cả hai con. Từ trước đến nay, anh B thiếu quan tâm, cũng không hỗ trợ chị về mặt kinh tế để chị nuôi dưỡng các con. Khi các con bắt đầu đi học, chị cũng là người đóng góp, nộp các khoản học phí. Mặt khác, vào năm 2018, anh B đã bị kết án về tội đánh bạc và phải đi chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình. Do đó, nếu Tòa án giao cho anh B nuôi dưỡng 1 trong 2 con chung, anh B cũng không thể đảm bảo được điều kiện cho các con được phát triển tốt. Chị H giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khả năng nuôi con của chị là: 01 đơn xác nhận mức thu nhập của chị, có xác nhận của chủ cơ sở nơi chị H làm việc và xác nhận của chính quyền địa phương nơi cơ sở chị làm việc có trụ sở, 01 đơn xác nhận về việc mẹ con chị đang sinh sống ổn định tại nhà mẹ đẻ của chị tại Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình có cam kết của gia đình chị và xác nhận cơ sở thôn cùng UBND xã Đ.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, chị và anh B không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Văn bản ghi ý kiến đề ngày ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị đơn là anh Phạm Thanh B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh và Chị H đúng như chị H đã trình bày. Anh B thừa nhận sau khi kết hôn, do anh ham chơi cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình sa sút nên tâm lý anh buồn chán và có thường xuyên uống rượu, đánh, mắng, chửi bới chị H. Năm 2018, 2019 anh bị kết án phạt tù 02 năm về tội đánh bạc và phải đi chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, Ninh Bình. Chị H đã cho anh nhiều cơ hội để thay đổi bản thân nhưng đến nay anh mới nhận thức được những sai lầm của mình. Từ khi Chị H nộp đơn khởi kiện và bỏ về nhà bố mẹ để ở, bản thân anh đã nhiều lần tìm gặp chị H, động viên chị H nhưng chị H vẫn không quay về. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh không đồng ý do anh vẫn mong muốn vợ chồng có thể hàn gắn để đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H và anh ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung của anh và chị H cho anh nuôi dưỡng. Hiện anh lao động tự do tại địa phương (bắt cua, cá; bán tạp hóa...) thu nhập khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Anh đang tìm công việc để có thu nhập trang trải cuộc sống và nuôi con.

Anh B đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khả năng, điều kiện nuôi con của anh và biện pháp cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, cải thiện tình cảm giữa anh, chị H và chứng minh khả năng đoàn tụ vợ chồng theo nguyện vọng của anh nhưng anh B không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì.

3. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Anh B là người không tu chí làm ăn, thường xuyên tham gia chơi lô đề cờ bạc nên hôn nhân giữa chị H và anh B không có hạnh phúc. Thời điểm năm 2018, anh B còn bị kết án phạt tù về tội đánh bạc. Ngoài ra, anh B còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H. Chị H đã nhiều lần phải nhờ địa phương can thiệp. Nay chị H xin ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em.

Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung của vợ chồng chị H, anh B. Anh chị không có khoản nợ chung đối với tổ chức xã hội nào của địa phương.

Về nơi cư trú của các đương sự: Chị H và anh B đều đăng ký thường trú tại thôn K, xã N. Tuy nhiên, hiện chỉ có anh B sinh sống tại địa phương, chị H và các con chung đã không còn chung sống cùng anh B nữa.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Thanh B.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Kim A, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2012 và Phạm Thị Cát T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2014. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Thanh B có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh B đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 03 tháng 01 năm 2008 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh B ham mê cờ bạc, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Thêm vào đó, anh B còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H. Bản thân chị H đã có nhiều năm nhẫn nhịn, chịu đựng, cho anh B cơ hội nhưng anh B không thay đổi bản thân. Anh B mong muốn vợ chồng hàn gắn để đoàn tụ nhưng chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh B. Qua xác minh tại UBND xã Nguyên Xá cũng thể hiện, giữa anh B và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị hiện đã sống ly thân, mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh B.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và đã giao nộp cho Tòa án xác nhận thể hiện mức thu nhập của chị H hiện nay khoảng 09 triệu đồng. Đồng thời, chị H cũng giao nộp xác nhận của địa phương nơi chị H cư trú về điều kiện nuôi con của chị H. Anh B trình bày thu nhập hiện nay của anh từ 4-5 triệu đồng/tháng nhưng anh B không có tài liệu chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân anh B có nhiều năm sống vi phạm pháp luật và đã từng bị kết án phạt tù về tội đánh bạc; lại có hành vi bạo lực

gia đình. Các con chung của chị H và anh B đều trình bày nguyện vọng được mẹ là chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Phạm Kim A và Phạm Thị Cát T. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh B có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Thanh B.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Kim A, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2012 và Phạm Thị Cát T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2014. Không đặt ra giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị H, anh B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0001227 ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

